

Bản án số: 280/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 31/5/2018

V/v Tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Quỳnh Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Khuru Hán Quang.
2. Ông Lâm Huỳnh Đệ.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền - Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 11 Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Việt Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2018 tại Trụ sở của Tòa án nhân dân Quận 11 Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai Vụ án thụ lý số: 565/2017/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2017 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 24/2018/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2018/QĐST-HNGĐ ngày 07/5/2018 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 70/TB-TA ngày 24/5/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Diễm P, sinh năm 1989; địa chỉ: đường H, Phường Y, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: đường L, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc K, sinh năm 1980; địa chỉ: : đường H, Phường Y, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 13/10/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Diễm P trình bày:

Bà và ông Nguyễn Ngọc K tự nguyện chung sống từ năm 2009 nhưng đến năm 2012 mới đăng ký kết hôn trễ hạn. Giấy chứng nhận kết hôn số 03/2012 do Ủy ban nhân dân: Phường Y, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/01/2012. Trước khi kết hôn, bà và ông K chưa ai có vợ có chồng. Bà và ông K có một con gái chung tên là Nguyễn Hy B, sinh ngày 14/10/2012.

Quá trình chung sống vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do cả hai không có sự tin tưởng lẫn nhau về tình cảm cũng như kinh tế. Bà và ông K cố gắng hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Tháng 10/2015, bà quyết định ra ngoài sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, bà có nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn cho bà và ông K nhưng do nhiều lần triệu tập ông K không chịu đến Tòa nên bà rút đơn để suy nghĩ lại. Nay bà tiếp tục nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông K.

Về con chung: Do trẻ Nguyễn Hy B đã ở chung với gia đình chồng từ nhỏ và không muốn tâm lý của con bị ảnh hưởng nên bà tiếp tục để ông K được trực tiếp nuôi con và bà tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Ngọc K đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa nhưng vắng mặt và không có ý kiến phản hồi đối với nội dung khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật như sau:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án nhân dân Quận 11, Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), người tiến hành tố tụng, nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về tố tụng, riêng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). Việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự đều đã được thực hiện đúng quy định nên việc xét xử vắng mặt các đương sự vừa nêu là phù hợp với quy định của pháp luật. Ngoài ra, Thẩm phán cần đảm bảo thời hạn chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 của BLTTDS.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

Phiên tòa xét xử vụ án được mở vào lúc 13 giờ 30 ngày 07/5/2018 và 08 giờ 00 phút ngày 31/5/2018, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và thông báo về thời gian, địa điểm xét xử nêu trên nhưng bị đơn vắng mặt. Do đó, HĐXX quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (BLTTDS).

[1] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Bà P yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông K.

Bà P và ông K kết hôn hợp pháp. Căn cứ vào lời khai của bà P và “Phiếu cung cấp thông tin” của Ủy ban nhân dân Phường 5 Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh với nội dung: “Bà Nguyễn Thị Diễm P và ông Nguyễn Ngọc K sống chung từ năm 2009 và đăng ký kết hôn năm 2012. Mâu thuẫn giữa hai người trầm trọng, hiện bà P đã bỏ về nhà mẹ đẻ sống. Con chung Nguyễn Hy B, sinh năm 2009 hiện đang do ông K trực tiếp chăm sóc.”; có cơ sở để xác định bà P và ông K đã sống ly thân từ năm 2015. Bà P xác định không thể trở về đoàn tụ và yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông K.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông K đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải trong đó nêu rõ yêu cầu của bà P về việc yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, ông K được trực tiếp nuôi trẻ Nguyễn Hy B và bà P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng nhưng ông K vắng mặt và cũng không có ý kiến phản hồi. Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được do vắng mặt ông K.

Nhận thấy ông K không có thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, bản thân bà P xác định không còn tình cảm với ông K và đã nhiều lần nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Bà P và ông K chung sống không hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2015, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P đối với ông K.

Về con chung: Do trẻ Nguyễn Hy B đang được ông K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên ghi nhận ý kiến bà P đồng ý để cho ông K tiếp tục nuôi dưỡng con chung và cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà P khai không có nên HĐXX không xem xét.

[2] Về án phí:

Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay về nội dung là có cơ sở pháp luật, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 và 84, 110, 116, 117 và 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Diễm P.

a) Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Diễm P được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc K.

b) Về con chung: Giao cho ông Nguyễn Ngọc K trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Hy B, sinh ngày 14/10/2009.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà P cấp dưỡng nuôi trẻ B mỗi tháng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng); bắt đầu thực hiện từ ngày 01/7/2018 cho đến khi phát sinh căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp, bà P chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì bà P phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

Bà P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi.

c) Về tài sản chung và nợ chung: Bà P xác định không có.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Diễm P chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AG/2014/0004562 ngày 19/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà P đã nộp đủ án phí.

3. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án dân sự được thực hiện tại Chi cục Thi thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

5. Bà Nguyễn Thị Diễm P được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Ngọc K được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TANDTP.HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- UBND Phường 5, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh; (để ghi chú vào sổ hộ tịch - Thông tin về Giấy CNKH số 03/2012 do UBND Phường 5, Quận 11 cấp ngày 04/01/2012);
- Lưu: VT, HS.(14)

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Quỳnh Anh